

Giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 7:

Unit 10: Health and Hygiene

A. Personal hygiene (Phần 1-4 trang 99-102 SGK Tiếng Anh 7)

1. Read. Then answer the questions.

(Đọc. Sau đó trả lời các câu hỏi.)

A letter from Mom (Một lá thư từ mẹ.)

Hướng dẫn dịch:

Ngày 10 tháng 10

Hoa thân yêu,

Bố mẹ hy vọng con vẫn khỏe mạnh. Bố mẹ đều khỏe cả, sắp đến mùa gặt nữa rồi và bố mẹ đang làm việc rất căng ở trang trại. Ông của con thường đến làm với bố mẹ. Ông giúp rất nhiều. Ông nói nhiều về con và mong con được khỏe mạnh.

Mẹ nhận được thư của cô con tuần rồi. Cô viết nhiều về con. Vậy là bây giờ con tập thể dục buổi sáng phải không, Hoa? Ở Huế con chẳng bao giờ thích dậy sớm. Ba mẹ rất vui khi nghe con hiện giờ đã dậy sớm.

Mẹ cũng hy vọng con đang tự chăm sóc mình. Cô con rất bận rộn, vậy phải nhớ giặt và ủi quần áo của con, và đừng ăn quá nhiều kẹo hay thức khuya. Những thứ ấy không tốt cho con.

Mẹ nhớ con lắm. Bố mẹ hy vọng sớm đến thăm con ở Hà Nội, có lẽ sau mùa gặt. Đừng quên viết thư cho mẹ nhé Hoa.

Thương,

Mẹ

Trả lời câu hỏi:

a) Why are Hoa's parents busy? (Vì sao cha mẹ Hoa bận rộn?)

=> Because it's nearly the harvest time again.

b) Who helps them on the farm? (*Ai giúp đỡ họ ở trang trại?*)

=> Her grandfather helps them on the farm.

c) When will they go to Ha Noi? (*Khi nào họ sẽ ra Hà Nội?*)

=> They will probably go to Ha Noi after the harvest.

d) How is Hoa different now? (*Bây giờ Hoa khác trước như thế nào?*)

=> She knows how to take care of herself. She's doing what she didn't do when she was at home in Hue.

e) What does Hoa's mother want her to do? What does she want Hoa not to do? Write two lists. (*Mẹ Hoa muốn cô ấy làm gì? Bà muốn Hoa không làm gì? Viết hai danh sách.*)

=> Her mother wants her to take care of herself, to wash and iron her own clothes.

=> She don't want her eat too much candy or stay up late.

To do	Not to do-	Take care of herself	- Eat too much
candy-	Wash and	iron her own clothes	- Stay up late

2. Listen.

(Nghe.)

Listen and put the pictures in the order you hear. (*Nghe và đặt các bức tranh theo đúng thứ tự bạn nghe được.*)



Thứ tự tranh là:

1 - a) 5 - g) 2 - e) 6 - c) 3 - f) 7 - h) 4 - d) 8 - b)

3. Read Nam's diary.

(Hãy đọc nhật kí của Nam.)



Write about yourself. Complete a diary entry like Nam's. Then practice with your partner. Ask these questions. (Viết về chính em. Hoàn thành một nhật kí giống Nam. Sau đó luyện tập với bạn học. Hỏi các câu hỏi này.)

- What do you do every day? (Bạn làm gì mỗi ngày?)
- What time do you get up/ eat breakfast/ do homework/ go to bed ...? (Bạn thức dậy/ ăn sáng/ làm bài tập về nhà/ đi ngủ ... lúc mấy giờ?)

Ví dụ chúng ta có nhật kí sau:

5.30	Get up	12.30	Have a nap
5.35	Do morning exercise	1.30	Do homework, learn lesson
6.00	Wash face, brush teeth, shower	5.30	Have dinner
6.20	Have breakfast	6.00	Do housework
6.35	Go to school	8.00	Watch TV
11.30	Have lunch	9.30	Go to bed

Hỏi và trả lời:

- What do you do everyday?

=> I do a lot of things everyday.

- What time do you set up?

=> I usually get up at 5.30.

- What time do you have breakfast?

=> I often have breakfast at 6.20.

- What do you do next?

=> I usually go to school.

- What time do you have lunch?

=> I often have lunch at 11.30.

- What do you usually do in the afternoon?

=> I learn my lessons and do homework.

- What time do you have dinner?

=> I have dinner at 5.30.

- Do you often watch TV?

=> Yes, I often watch TV at 8.00.

- What time do you go to bed?

=> I usually go to bed at 9.30.

4. Write. Complete Hoa's reply to her mother with suitable verbs.

(Viết. Hoàn thành thư đáp của Hoa cho mẹ cô với các động từ phù hợp.)

A letter to Mom (*Một lá thư gửi mẹ.*)

October 20

Dear Mom,

Thanks for your letter. I'm glad to hear you are well. I am doing well at school. At first, everything **was/ looked** strange and difficult. Now I am **having** a lot of fun. I hope you will visit Ha Noi after the harvest. We will **take** you round the city.

Don't worry about me, Mom. I know how to **take** care of myself. Every day, I **get** up early to do morning exercises, and I never **go** to bed late. I often **wash** my clothes and **iron** them carefully. I am not **eating** much candy now.

I **told** all of my friends about your visit and they all hope to **meet** you in Ha Noi. It's 9.30 now, so I must **go** to bed.

Take care, Mom. Write again soon.

Love,

Hoa

Remember.

(Ghi nhớ.)

Past simple tense (Thì quá khứ đơn)

Regular (Động từ có qui tắc) Irregular (Động từ bất qui tắc)

brush - brushed do - did

change - changed drink - drank

comb - combed	get - got
iron - ironed	put - put
shower - showered	tell - told
wash - washed	

B. A bad toothache (Phần 1-6 trang 103-106 SGK Tiếng Anh 7)

1. Listen. Then practice with a partner.

(Nghe. Sau đó luyện tập với bạn học.)



Hướng dẫn dịch:

Minh: Ôi!

Hoa: Bạn làm sao vậy Minh?

Minh: Mình bị đau răng.

Hoa: Bạn định đi nha sĩ khám chứ?

Minh: Có. Mình có cuộc hẹn vào lúc 10 giờ 30 sáng nay nhưng mình sợ quá.

Hoa: Sao vậy?

Minh: Mình ghét âm thanh của máy khoan. Nó rất ồn.

Hoa: Mình hiểu được bạn cảm thấy thế nào mà, nhưng đừng lo. Tuần rồi, nha sĩ đã trám lỗ sâu trong răng mình đấy.

Minh: Thế bạn có sợ không?

Hoa: Mình hơi sợ, nhưng cô nha sĩ tử tế lắm. Cô ấy khám răng mình và bảo mình đừng lo. Sau đó cô ấy trám lại. Sau đó nó hết đau liền. Mình cảm thấy đỡ hơn nhiều sau khi cô ấy chữa răng cho mình.

Minh: Bạn đúng đấy. Mình cảm thấy ít sợ hơn rồi. Cám ơn nhé, Hoa.

Hoa: Không có chi. Chúc may mắn nhé!

Now answer. (Bây giờ trả lời câu hỏi.)

a) What is wrong with Minh? (*Minh có điều gì không ổn?*)

=> Minh has a toothache.

b) Does Minh like going to the dentist? How do you know? (*Minh có thích đi nha sĩ không? Làm thế nào bạn biết được?*)

=> No, he doesn't. Because he hates the sound of the drill and he feels scared.

c) Why did Hoa go to the dentist last week? (*Tuần trước tại sao Hoa đi gặp nha sĩ?*)

=> Last week, Hoa went to the dentist's because her tooth had a cavity.

d) What did the dentist do? (*Nha sĩ đã làm gì?*)

=> She filled it.

About you. (Về bạn.)

e) What did you do the last time you had a bad toothache? (*Lần trước bạn đã làm gì khi bạn bị đau răng nặng?*)

=> I went to a dentist.

f) Are you scared of seeing the dentist? (*Bạn có sợ gặp nha sĩ không?*)

=> No, I am not.

2. Listen and answer.

(Nghe và trả lời.)

a) What is Dr Lai's job? (*Bác sĩ Lai làm nghề gì?*)

=> Dr Lai is a dentist at Quang Trung school.

b) What clothes does Dr Lai wear to work? (*Bác sĩ Lai mặc quần áo gì đi làm?*)

=> She wears a uniform to work.

c) How do most children feel when they come to see Dr Lai? (*Hầu hết các đứa trẻ cảm thấy như thế nào khi gặp Bác sĩ Lai?*)

=> Most children feel scared when they come to see Dr Lai.

d) How does Dr Lai help these children? (*Bác sĩ Lai giúp những đứa trẻ này như thế nào?*)

=> She gives the children some advice, tells them how to look after their teeth and reminds them to clean their teeth regularly.

3. Listen and read.

(Nghe và đọc.)

Hướng dẫn dịch:

Minh đang ngồi ở phòng khám của bác sĩ Lai. Bác sĩ Lai đang kiểm tra răng của cậu ấy.

Bác sĩ Lai thật tử tế. Cô ấy cười với Minh và nói "Đừng lo nhé Minh, em có một lỗ răng sâu nhỏ, nhưng không nghiêm trọng lắm. Những cái răng khác của em đều ổn cả".

Minh thấy rất vui. Bác sĩ Lai trám lỗ răng sâu trong răng của Minh. Cô làm xong việc không tới 10 phút. Minh rất hài lòng. Sau đó bác sĩ Lai ngồi xuống nói chuyện với Minh lần nữa.

Cô ấy hỏi "Minh, bao lâu em đánh răng một lần?". Minh lại trông có vẻ lo lắng.

"Ồ, em... À, đôi khi em quên đánh răng"

Bác sĩ Lai nói "Cố gắng đừng quên, việc đánh răng rất quan trọng đấy. Răng sạch là răng khoẻ!"

Now complete the story. (Bây giờ hoàn thành câu chuyện.)

Minh is very **nervous** and Dr Lai notices this. She **smiles** at Minh and tells not to worry. She explains one of his teeth has a **cavity**. He has to **clean/ brush** them regularly. After Dr Lai fills his tooth, Minh leaves. He is very **pleased**.

4. Ask and answer questions with a partner. Use the words to help you.

(Hỏi và trả lời các câu hỏi với bạn học. Sử dụng các từ đã cho để giúp em.)

Example:

a) tooth / hurt

have / cavity Minh's tooth hurts.

Why?

Because he has a cavity.

Gợi ý các phần còn lại:

b) nervous

see/dentist He looks nervous? Why? Because he is seeing a dentist.

c) cavity/ not serious

small The cavity isn't serious.

Why?

Because it's very small.

d) happy

teeth/ OK Minh looks happy. Why? Because his teeth are ok now.

5. Write. Complete this poster with a partner.

(Viết. Hoàn thành tấm áp phích này với một bạn.)



Do

- Brush teeth after meals
- Use a good toothbrush
- Go to a dentist when having a toothache

Don't

- Use an old toothbrush
- Eat lots of candy and sweets

6. Play with words.

(Chơi với chữ.)

Hướng dẫn dịch:

Sue sáng suốt đánh răng

Vài lần mỗi ngày.

Cô ấy chẳng bao giờ động đến thức ăn không bổ dưỡng,

Và không bao giờ phải đi nha sĩ.

Simon ngờ nghệch bỏ bê răng của cậu, Ăn quá nhiều bánh ngọt. Giờ thì cậu ta đang rất đau,

Vì cậu ta bị đau răng.

Remember.

(Ghi nhớ.)

